

**CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 1.098/22/ CV-VDN

Đồng Nai, ngày 19 tháng 11 năm 2022

Về việc “Sửa đổi nhãn sản phẩm Glucose  
syrup – Maltose syrup”

**Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Chi cục đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho công ty chúng tôi sản xuất và kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Các sản phẩm Maltose syrup (DE: 20~50); Maltose syrup (DE: 50~70); Maltose syrup (DE: 20~60); Glucose syrup (DE: 20~26); Glucose syrup (DE: 26~50); Glucose syrup (DE: 50~75); Glucose syrup (DE: 20~70) của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất đã thực hiện tự công bố và được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Đồng Nai tiếp nhận, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục: [dongnai.vfa.gov.vn](http://dongnai.vfa.gov.vn) vào các ngày 29/03/2018 và 02/05/2018.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. Nay Công ty chúng tôi xin thông báo sửa chữ “Thành phần cấu tạo” thành chữ “Thành phần” của các nhãn sản phẩm nêu trên.

Chi tiết xin xem nhãn mới đính kèm.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu: Vp TGD  
Vp ĐBCL ✓

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC KHỐI ĐBCL & HN**



**PHẦN THỊ HUY HÀ**

**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 20~50)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:

Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).

Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).

Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.

Sản xuất đồ uống.

Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).

Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.

Sản xuất nước sốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

TCCS 10/VDN/2018

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167

Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn) | Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHẦN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 20~50)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nhai) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:

Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).

Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).

Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.

Sản xuất đồ uống.

Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).

Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.

Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 170 kg**

**TCCS 10/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: 02513 825 111 Fax: 02513 543 167

Website: www.vedan.com.vn Free hotline: 1800 599 902

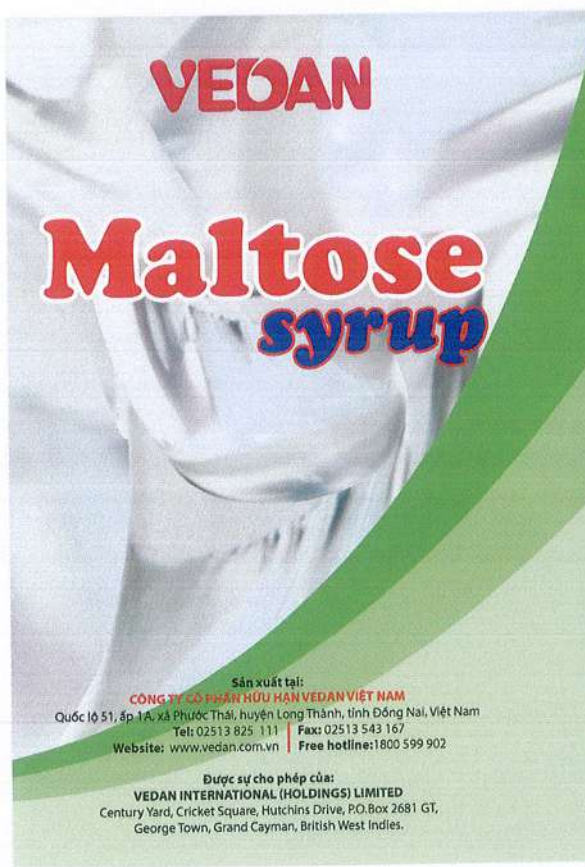
**Được sự cho phép của:**

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHAN THI HUY HA**



# VEDAN

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 20~50)

**Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha)** của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
 Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
 Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
 Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
 Sản xuất đồ uống.  
 Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
 Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
 Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 280 kg**

**TCCS 10/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
 Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
 Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167  
 Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn) | Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
 Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
 George Town, Grand Cayman, British West Indies.



PHẦN THI HUY HA

**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 20~50)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nhai) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1350 kg**

TCCS 10/VDN/2018

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: 02513 825 111

Fax: 02513 543 167

Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn)

Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHẦN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 20~60)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột sắn.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:

Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).

Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).

Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.

Sản xuất đồ uống.

Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).

Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.

Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

TCCS 04/VDN/2018

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tel: 0251 3825111

Fax: 02513 543167

Website: www.vedan.com.vn

Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



PHAN THI HUY HA

**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 20~60)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột sắn.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 280 kg**

**TCCS 04/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.  
Tel: 0251 3825111 | Fax: 02513 543167  
Website: www.vedan.com.vn | Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**THAN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Maltose syrup

Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.  
Tel: 0251 3825111 Fax: 02513 543167  
Website: www.vedan.com.vn Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.

## Maltose syrup

(DE: 20~60)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha) của Công ty CP HH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột sắn.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1350 kg**

**TCCS 04/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.



**PHẦN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 50~75)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nhai) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

TCCS 14/VDN/2018

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Việt Nam

Tel: 02513 825 111 Fax: 02513 543 167

Website: www.vedan.com.vn Free hotline: 1800 599 902

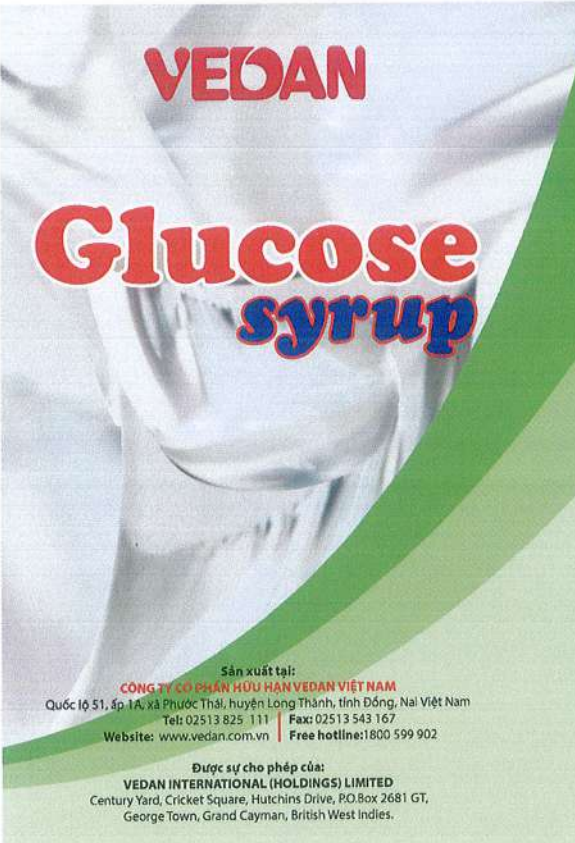
Được sự cho phép của:

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHẦN THI HUY HA**



# VEDAN

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 50~75)

**Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha)** của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất các sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 280 kg**

**TCCS 14/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
 Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Việt Nam  
 Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167  
 Website: www.vedan.com.vn | Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
 Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
 George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 50~75)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nhai) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống;  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1350 kg**

**TCCS 14/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Việt Nam

Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167

Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn) | Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHAN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 26~50)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum...),  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu...),  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem...),  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

**TCCS 13/VĐN/2018**

Số lô sản xuất:

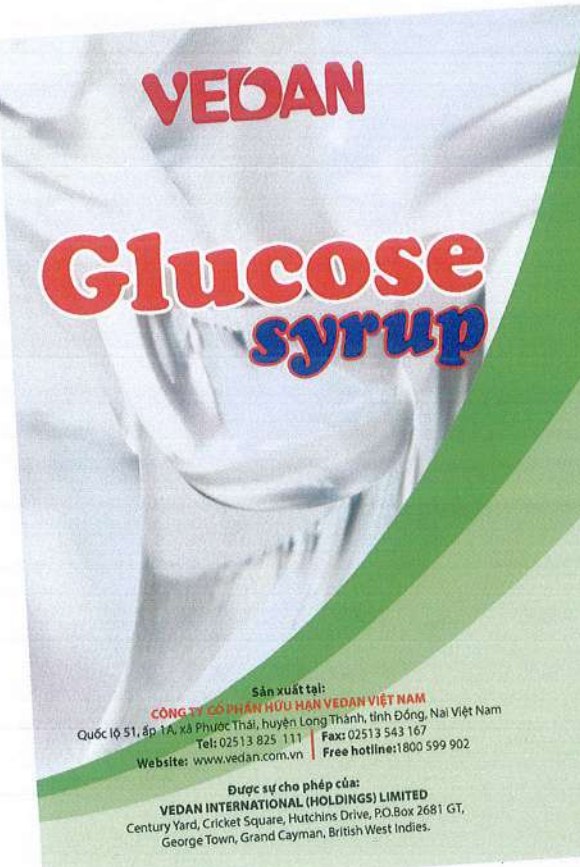
NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Việt Nam  
Tel: 02513 825 111 Fax: 02513 543 167  
Website: www.vedan.com.vn Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.





# VEDAN

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 26~50)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nhà) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...)  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...)  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 280 kg**

**TCCS 13/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Việt Nam  
 Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167  
 Website: www.vedan.com.vn | Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
 Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
 George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 26~50)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:

Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).

Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).

Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.

Sản xuất đồ uống.

Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).

Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.

Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1350 kg**

**TCCS 13/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Việt Nam

Tel: 02513 825 111

Fax: 02513 543 167

Website: www.vedan.com.vn

Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHẦN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 26~50)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1300 kg**

**TCCS 13/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Việt Nam

Tel: 02513 825 111

Fax: 02513 543 167

Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn)

Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHAN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 20~26)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

**TCCS 12/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: 02513 825 111 Fax: 02513 543 167  
Website: www.vedan.com.vn Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 20~26)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xù, chewingum...),  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu...),  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem...),  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 270 kg**

**TCCS 12/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167  
Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn) | Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHẦN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Glucose syrup

## Glucose syrup

(DE: 20~26)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1350 kg**

**TCCS 12/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A/xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167  
Website: www.vedan.com.vn | Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHẦN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 50~70)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**

Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:

Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).

Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).

Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.

Sản xuất đồ uống.

Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).

Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.

Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

**TCCS 11/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

Quốc lộ 51, ấp 1A, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: 02513 825 111

Fax: 02513 543 167

Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn)

Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**

**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHAN THI HUY HA**

**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 50~70)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum...),  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu...),  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem...),  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 280 kg**

**TCCS 11/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167  
Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn) | Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**VEDAN**

# Maltose syrup

## Maltose syrup

(DE: 50~70)

Sản phẩm Maltose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Maltose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột bắp.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Maltose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
Sản xuất đồ uống.  
Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Maltose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1350 kg**

**TCCS 11/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

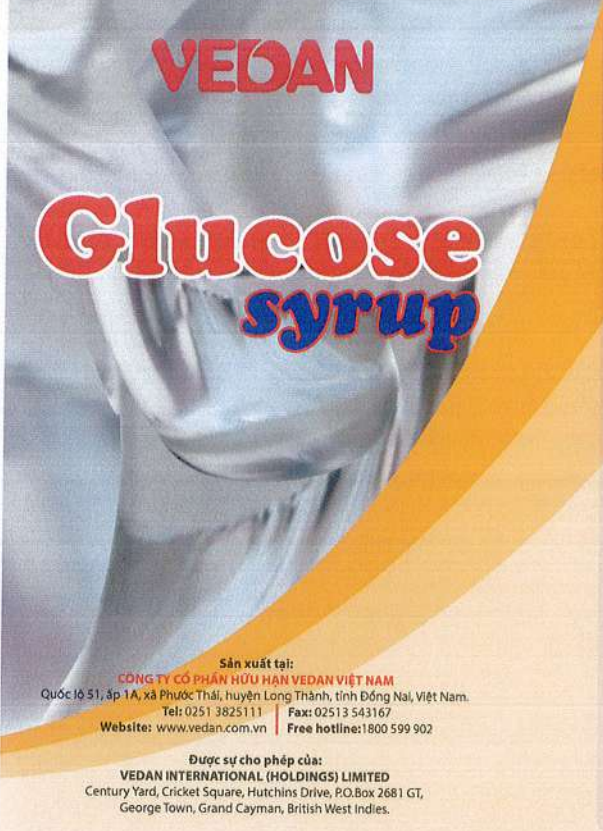
HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: 02513 825 111 | Fax: 02513 543 167  
Website: [www.vedan.com.vn](http://www.vedan.com.vn) | Free hotline: 1800 599 902

Được sự cho phép của:  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



**PHAN THI HUY HA**



# VEDAN

# Glucose syrup

**Sản xuất tại:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
 Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.  
 Tel: 0251 3825111 | Fax: 02513 543167  
 Website: www.vedan.com.vn | Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
 Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
 George Town, Grand Cayman, British West Indies.

## Glucose syrup

(DE: 20~70)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nhà) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phẩm:**  
Nước, tinh bột sắn.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
 Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
 Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
 Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
 Sản xuất đồ uống.  
 Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
 Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
 Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 25 kg**

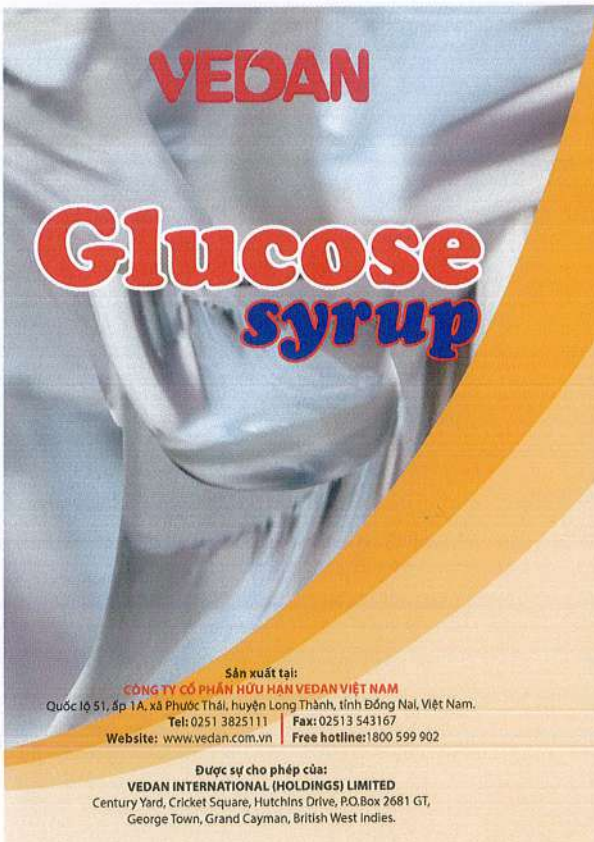
**TCCS 05/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.





# VEDAN

# Glucose syrup

**Sản xuất tại:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
 Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.  
 Tel: 0251 3825111 | Fax: 02513 543167  
 Website: www.vedan.com.vn | Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
 Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
 George Town, Grand Cayman, British West Indies.

## Glucose syrup

(DE: 20~70)

**Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha)** của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
 Nước, tinh bột sắn.

**Thông tin cảnh báo:**  
 Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
 Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
 Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
 Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
 Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
 Sản xuất đồ uống.  
 Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
 Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
 Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
 Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 280 kg**

**TCCS 05/VDN/2018**

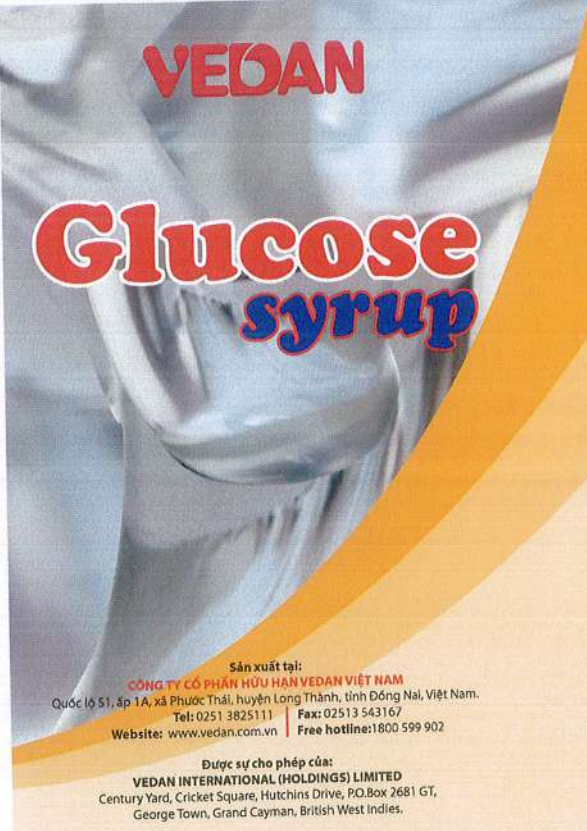
Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.



**PHẦN THI HUY HA**



**VEDAN**

**Glucose  
syrup**

**Sản xuất tại:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
 Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.  
 Tel: 0251 3825111 | Fax: 02513 543167  
 Website: www.vedan.com.vn | Free hotline: 1800 599 902

**Được sự cho phép của:**  
**VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED**  
 Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681 GT,  
 George Town, Grand Cayman, British West Indies.

**Glucose  
syrup**

(DE: 20~70)

Sản phẩm Glucose syrup (Mạch Nha) của Công ty CPHH Vedan Việt Nam là sản phẩm được sản xuất từ quá trình thủy phân tinh bột bằng enzyme. Dung dịch đường Glucose là dung dịch trong suốt có màu đặc trưng của sản phẩm, có vị ngọt vừa phải và có khả năng giữ ẩm tốt. Là dung dịch có mùi thơm đặc trưng, không có mùi lạ.

**Thành phần:**  
Nước, tinh bột sắn.

**Thông tin cảnh báo:**  
Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại.

**Hướng dẫn sử dụng:**  
Glucose syrup có thể được dùng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm:  
 Sản xuất kẹo (kẹo mềm, kẹo cứng, kẹo sữa, kẹo lạc, kẹo mè xừng, chewingum,...).  
 Sản xuất bánh (bánh ngọt, bánh mì, bánh quy, bánh nướng, bánh trung thu,...).  
 Sản xuất nước ép trái cây, mứt trái cây và thạch, mứt và trái cây đóng hộp.  
 Sản xuất đồ uống.  
 Sản xuất sản phẩm thực phẩm đông lạnh (sữa chua, kem,...).  
 Sản xuất các sản phẩm sữa và sữa đặc.  
 Sản xuất nước xốt (nước tương, nước mắm, mayonnaise,...) và gia vị.

**Hướng dẫn bảo quản:**  
Glucose syrup nên được bảo quản ở trong thùng chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.

**Khối lượng tịnh: 1350 kg**

**TCCS 05/VDN/2018**

Số lô sản xuất:

NSX:

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 6 tháng kể từ ngày sản xuất.



Số: 038 /24/QĐ-VDN

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 12/VDN/2018 ngày 20/04/2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc Hội khóa XII.
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Căn cứ Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Căn cứ nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Căn cứ tài liệu PL403001 Quy cách thành phẩm dung dịch đường maltose/glucose syrup.

QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Sửa đổi quy định về ATTP đối với chỉ tiêu vi sinh vật và quy định về nội dung ghi nhãn trong TCCS 12/VDN/2018 ngày 20/04/2018 “Glucose syrup (DE: 20 ~ 26)” để phù hợp với quy định của Thông tư 17/2023/TT-BYT, tài liệu PL403001 và phù hợp với quy định hiện hành về nhãn hàng hóa, cụ thể như sau:

| Stt | Hạng mục                | Trước sửa đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Sau sửa đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bản tự công bố sản phẩm | <p><b>IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm</b></p> <p>Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Glucose syrup (DE: 20 ~ 26)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.</li><li>- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li><li>- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ</li></ul> | <p><b>IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm</b></p> <p>Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Glucose syrup (DE: 20 ~ 26)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li><li>- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li><li>- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ</li></ul> |

|     |                                    | thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
|-----|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------|------------|---|------------------------------|-------|-------------|---|------------------|-------|-------------|---|-------------------------|-------|-------------|---|------------------------------|-------|-------------|---|--------------------------------|-------|-------------|---|------------------------|-------|-------------|---|----------------------------|-------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------|--------|------------|---|------------------------------|-------|--------|---|------------------|-------|--------|---|-------------------------|-------|--------|---|------------------------------|-------|--------|---|--------------------------------|-------|--------|---|------------------------|-------|--------|---|----------------------------|-------|--------|---|------------------------|
| 2   | Bản thông tin chi tiết về sản phẩm | <b>1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:</b> Phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:</b> Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.                                                                                                                                                                                                                    |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
|     |                                    | <table> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^6</math></td></tr> <tr> <td>2</td><td><i>Coliforms</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^3</math></td></tr> <tr> <td>3</td><td><i>Escherichia coli</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>4</td><td><i>Staphylococcus aureus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>5</td><td><i>Clostridium perfringens</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>6</td><td><i>Bacillus cereus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>7</td><td>Tổng số nấm men và nấm mốc</td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^3</math></td></tr> </table> | Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa | 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | $\leq 10^6$ | 2 | <i>Coliforms</i> | CFU/g | $\leq 10^3$ | 3 | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 4 | <i>Staphylococcus aureus</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 5 | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 6 | <i>Bacillus cereus</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 7 | Tổng số nấm men và nấm mốc | CFU/g | $\leq 10^3$ | <table> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td><td>CFU/g</td><td><math>10^6</math></td></tr> <tr> <td>2</td><td><i>Coliforms</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^3</math></td></tr> <tr> <td>3</td><td><i>Escherichia coli</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>4</td><td><i>Staphylococcus aureus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>5</td><td><i>Clostridium perfringens</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>6</td><td><i>Bacillus cereus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>7</td><td>Tổng số nấm men và nấm mốc</td><td>CFU/g</td><td><math>10^3</math></td></tr> <tr> <td>8</td><td><i>Salmonella spp.</i></td><td>/ 25g</td><td>Không có</td></tr> </table> | Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa | 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | $10^6$ | 2 | <i>Coliforms</i> | CFU/g | $10^3$ | 3 | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g | $10^2$ | 4 | <i>Staphylococcus aureus</i> | CFU/g | $10^2$ | 5 | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g | $10^2$ | 6 | <i>Bacillus cereus</i> | CFU/g | $10^2$ | 7 | Tổng số nấm men và nấm mốc | CFU/g | $10^3$ | 8 | <i>Salmonella spp.</i> |
| Stt | Tên chỉ tiêu                       | Đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức tối đa                                                                                                                                                                                                                                                                                         |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $\leq 10^6$                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 2   | <i>Coliforms</i>                   | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $\leq 10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 3   | <i>Escherichia coli</i>            | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 4   | <i>Staphylococcus aureus</i>       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 5   | <i>Clostridium perfringens</i>     | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 6   | <i>Bacillus cereus</i>             | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 7   | Tổng số nấm men và nấm mốc         | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $\leq 10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| Stt | Tên chỉ tiêu                       | Đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức tối đa                                                                                                                                                                                                                                                                                         |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $10^6$                                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 2   | <i>Coliforms</i>                   | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 3   | <i>Escherichia coli</i>            | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 4   | <i>Staphylococcus aureus</i>       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 5   | <i>Clostridium perfringens</i>     | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 6   | <i>Bacillus cereus</i>             | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 7   | Tổng số nấm men và nấm mốc         | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | $10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
| 8   | <i>Salmonella spp.</i>             | / 25g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                           |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |
|     |                                    | <b>5. Nội dung ghi nhãn:</b><br>Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa, Thông tư liên tịch 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công thương về hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>5. Nội dung ghi nhãn:</b><br>Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |

**Điều 2:** Các đơn vị liên quan của Công ty CPHH Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị ghi ở Điều 2.
- Lưu: Văn phòng TGD, phòng ĐBCL.



Số: 0168 /24/CV-VDN

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

V/v: “Thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 12/VDN/2018”

**Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Chi cục đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi sản xuất và kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Glucose syrup (DE: 20 ~ 26)” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất đã thực hiện tự công bố số TCCS 12/VDN/2018 và được Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Đồng Nai tiếp nhận, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục: dongnai.vfa.gov.vn ngày 07 tháng 05 năm 2018.

Trong hồ sơ công bố của sản phẩm này, chúng tôi đang công bố phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục 6.5.1) và nội dung ghi nhãn đang công bố phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa, Thông tư liên tịch 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công thương về hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

Tuy nhiên, các quy định pháp luật trên đã được sửa đổi hoặc hết hiệu lực, cụ thể như sau:

- Mục 6.5.1 ban hành kèm theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT đã bị bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Thông tư liên tịch 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT đã bị bãi bỏ bởi Thông tư 12/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Y tế.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Nay công ty chúng tôi xin thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố của sản phẩm nói trên, nội dung sửa đổi như sau:

| Stt | Hạng mục                | Trước sửa đổi                                                                                                                                         | Sau sửa đổi                                                                                                                                           |
|-----|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bản tự công bố sản phẩm | <b>IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm</b><br>Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Glucose syrup (DE: 20 ~ 26)” đạt yêu | <b>IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm</b><br>Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Glucose syrup (DE: 20 ~ 26)” đạt yêu |

|     |                                    | <p>câu về an toàn thực phẩm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.</li> <li>- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li> <li>- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <p>câu về an toàn thực phẩm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li> <li>- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.</li> </ul> |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
|-----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------|------------|---|------------------------------|-------|-------------|---|------------------|-------|-------------|---|-------------------------|-------|-------------|---|------------------------------|-------|-------------|---|--------------------------------|-------|-------------|---|------------------------|-------|-------------|---|----------------------------|-------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------|--------|------------|---|------------------------------|-------|--------|---|------------------|-------|--------|---|-------------------------|-------|--------|---|------------------------------|-------|--------|---|--------------------------------|-------|--------|---|------------------------|-------|--------|---|----------------------------|-------|--------|---|------------------------|-------|----------|
| 2   | Bản thông tin chi tiết về sản phẩm | <p><b>1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:</b> Phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^6</math></td></tr> <tr> <td>2</td><td><i>Coliforms</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^3</math></td></tr> <tr> <td>3</td><td><i>Escherichia coli</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>4</td><td><i>Staphylococcus aureus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>5</td><td><i>Clostridium perfringens</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>6</td><td><i>Bacillus cereus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^2</math></td></tr> <tr> <td>7</td><td>Tổng số nấm men và nấm mốc</td><td>CFU/g</td><td><math>\leq 10^3</math></td></tr> </tbody> </table> <p><b>5. Nội dung ghi nhãn:</b><br/>           Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa, Thông tư liên tịch 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công thương về hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.</p> | Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa | 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | $\leq 10^6$ | 2 | <i>Coliforms</i> | CFU/g | $\leq 10^3$ | 3 | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 4 | <i>Staphylococcus aureus</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 5 | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 6 | <i>Bacillus cereus</i> | CFU/g | $\leq 10^2$ | 7 | Tổng số nấm men và nấm mốc | CFU/g | $\leq 10^3$ | <p><b>1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:</b> Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td><td>CFU/g</td><td><math>10^6</math></td></tr> <tr> <td>2</td><td><i>Coliforms</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^3</math></td></tr> <tr> <td>3</td><td><i>Escherichia coli</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>4</td><td><i>Staphylococcus aureus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>5</td><td><i>Clostridium perfringens</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>6</td><td><i>Bacillus cereus</i></td><td>CFU/g</td><td><math>10^2</math></td></tr> <tr> <td>7</td><td>Tổng số nấm men và nấm mốc</td><td>CFU/g</td><td><math>10^3</math></td></tr> <tr> <td>8</td><td><i>Salmonella spp.</i></td><td>/ 25g</td><td>Không có</td></tr> </tbody> </table> <p><b>5. Nội dung ghi nhãn:</b><br/>           Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</p> | Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa | 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | $10^6$ | 2 | <i>Coliforms</i> | CFU/g | $10^3$ | 3 | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g | $10^2$ | 4 | <i>Staphylococcus aureus</i> | CFU/g | $10^2$ | 5 | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g | $10^2$ | 6 | <i>Bacillus cereus</i> | CFU/g | $10^2$ | 7 | Tổng số nấm men và nấm mốc | CFU/g | $10^3$ | 8 | <i>Salmonella spp.</i> | / 25g | Không có |
| Stt | Tên chỉ tiêu                       | Đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mức tối đa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\leq 10^6$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 2   | <i>Coliforms</i>                   | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\leq 10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 3   | <i>Escherichia coli</i>            | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 4   | <i>Staphylococcus aureus</i>       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 5   | <i>Clostridium perfringens</i>     | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 6   | <i>Bacillus cereus</i>             | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\leq 10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 7   | Tổng số nấm men và nấm mốc         | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\leq 10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| Stt | Tên chỉ tiêu                       | Đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mức tối đa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $10^6$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 2   | <i>Coliforms</i>                   | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 3   | <i>Escherichia coli</i>            | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 4   | <i>Staphylococcus aureus</i>       | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 5   | <i>Clostridium perfringens</i>     | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 6   | <i>Bacillus cereus</i>             | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $10^2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 7   | Tổng số nấm men và nấm mốc         | CFU/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $10^3$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |
| 8   | <i>Salmonella spp.</i>             | / 25g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |              |        |            |   |                              |       |             |   |                  |       |             |   |                         |       |             |   |                              |       |             |   |                                |       |             |   |                        |       |             |   |                            |       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |              |        |            |   |                              |       |        |   |                  |       |        |   |                         |       |        |   |                              |       |        |   |                                |       |        |   |                        |       |        |   |                            |       |        |   |                        |       |          |

Đối với hồ sơ tự công bố của sản phẩm này, Chúng tôi chỉ sửa đổi các nội dung trên, các nội dung khác và chất lượng sản phẩm không thay đổi so với hồ sơ công bố đã được Quý Chi cục tiếp nhận trước đó.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VPTGD, Phòng ĐBCL.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NI CHIH HAO**

